TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M – TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36** /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08-10-2019.
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Lâm Bnh.**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông **Lê Mạnh Nhanh.**
Ông **Nguyễn Văn Son.**
- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Trần Thị Thu Hường –** Cán bộ TAND huyện M.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên toà:* Bà **Trần Thị Nhâm** - Kiểm sát viên.

Ngày 08/10/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M – TP Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019 về: Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXX-ST ngày 16 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐST-DS ngày 02/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Đình H, sinh năm 1982.
Nơi cư trú: Xóm 1, thôn T, xã T, huyện M, TP Hà Nội.
2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988.
Nơi ĐKHKTT: Xóm 1, thôn T, xã T, huyện M, TP Hà Nội.
Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện M, TP Hà Nội.

3. Những người làm chứng:
+ Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1940.
Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện M, TP Hà Nội.

Anh H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, chị H và ông B vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Lê Đình H và chị Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện M, TP Hà Nội ngày 25/3/2008. Sau khi cưới chị H về nhà anh H làm dâu vợ chồng anh đều ở nhà làm ruộng và buôn bán nhỏ. Cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do anh và chị H có quá nhiều điểm bất đồng trong lối sông, sinh hoạt và phát triển kinh tế gia đình. Bản thân chị H không chung thủy, có người đàn ông khác. Từ đó anh và chị H thường xuyên xảy ra va chạm, cãi cọ. Anh đã nhiều lần tha thứ để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con nhưng không đạt kết quả. Gia đình hai bên đã

hòa giải nhiều lần nhưng chị H không thay đổi, tháng 6, năm 2019 vợ chồng anh chị sống ly thân. Anh H và chị H không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay anh H thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn xin ly hôn, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh chị có một con chung, cháu Lê Minh H sinh ngày 26/4/2008. Từ khi anh chị sống ly thân cháu H ở với anh H. Trường hợp anh H, chị H ly hôn, anh H xin nuôi cháu H và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện tại chị H phải đi làm ăn xa, không có nhà, không có điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh H và chị H tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H trình bày và xác định: Chị kết hôn với anh H là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Chị H cho rằng cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H và chị có nhiều điểm bất đồng trong lối sống, sinh hoạt và phát triển kinh tế gia đình. Hơn thế nữa anh H có quan hệ với người phụ nữ khác, từ đó vợ chị và anh H thường xuyên xảy ra cãi vã. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Nay anh H xin ly hôn, chị xác nhận không còn tình cảm với anh H, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nhưng vì anh chị đã có con nên chị đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con.

Về con chung: Trường hợp vợ chồng chị ly hôn, chị xin nuôi cháu H. Chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H xác định vợ chồng chị đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, chị H vắng mặt không có lý do. Anh H giữ nguyên ý kiến quan điểm của mình. Anh, chị không xuất trình chứng cứ, tài liệu gì khác và vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M có ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Cụ thể:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H và giao cháu Lê Minh H cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có yêu cầu mới.

- Tài sản chung, công nợ chung: Hai bên đều thừa nhận đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Đình H đã làm đơn khởi kiện theo mẫu và nộp tạm ứng án phí đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa anh H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Nguyễn Thị H là bị đơn đã được giao các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không chấp hành giấy triệu tập của Toà án. Ngày 02/10/2019 Toà án mở phiên toà lần thứ nhất chị H vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, chị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do lần 2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh H và chị H trên cơ sở tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, cuộc sống chung vợ, chồng hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H và chị H có nhiều điểm bất đồng trong lối sống, quan điểm sống, bản thân anh chị không còn tin tưởng lẫn nhau. Anh H xin ly hôn; chị H xác nhận không còn tình cảm gì với anh H nhưng vì anh chị đã có con nên đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, cùng nuôi dạy con. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã kiên trì hòa giải để anh H rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh H giữ nguyên yêu cầu, kiên quyết xin ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, nếu tiếp tục chung sống sẽ không có hạnh phúc và ảnh H đến các con. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã làm việc với bố đẻ của chị H là ông Nguyễn Văn B. Ông B thừa nhận vợ chồng anh chị có mâu thuẫn, chị H về nhà sống cùng với ông. Ông và gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Tại Biên bản xác minh ngày 16/9/2019 UBND xã T huyện M, TP Hà Nội cho biết:... *"Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc, thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H và chị H không bảo ban được nhau trong cách làm ăn, vợ chồng có nhiều bất đồng trong lối sống, sinh hoạt. Bản thân anh H cho rằng chị H không chung thủy, có quan hệ với người đàn ông khác (Việc này anh H có trình báo Ban công an xã do anh anh H*

và chị H xảy ra xô xát, va chạm). Nay anh H có đơn xin ly hôn, chúng tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền, lợi ích của các bên và đảm bảo an ninh trật tự tại địa phương…". Trên cơ sở chứng cứ, tài liệu các đương sự cung cấp kết hợp với tài liệu xác minh tại địa phương đủ cơ sở kết luận: Hôn nhân giữa anh Lê Đình H và chị Nguyễn Thị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh H có đơn xin ly hôn với chị H là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về vấn đề con chung: Anh, chị có một con chung là cháu Lê Ninh H sinh ngày 26/4/2008. Từ khi anh chị sống ly thân cháu H ở với anh H, vợ chồng ly hôn, anh H, chị H đều xin nuôi con và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu xin nuôi con của anh H, chị H đều chính đáng, tuy nhiên, từ khi anh chị sống ly thân cháu H ở với anh H, cháu được nuôi dưỡng, chăm sóc đầy đủ. Bản thân cháu H cũng có nguyện vọng xin được ở với bố do cháu không muốn có sự xáo trộn trong học tập, sinh hoạt. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của anh H. Anh H không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Anh H, chị H đều xác định đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết nên không không xem xét, giải quyết trong bản án này.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xác định anh H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Áp dụng Điều 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình;

- Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh **Lê Đình H**. Anh **Lê Đình H** được ly hôn chị **Nguyễn Thị H.**

Về con chung: Giao cháu **Lê Minh H** sinh ngày 26/4/2008 cho anh Lê Đình H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, tự lập.Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị H đến khi có yêu cầu mới. Chị H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ chung: Hai bên đều thừa nhận đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Toà giải quyết.

Về án phí: Anh Lê Đình H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 2303 ngày 19/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, TP Hà Nội.

Anh H, chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND TP Hà Nội;
- VKS ND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ VA.

Nguyễn Lâm Bnh